| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN PT**<br>**TỈNH AN GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 239/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 30 tháng 5 năm 2023
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PT, TỈNH AN GIANG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Nhung

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Lưu Thị Ngọc Huỳnh
2. Ông Huỳnh Văn Sức

***Thư ký phiên toà:*** Ông Trần Thiện Nhân - Thư ký Toà án nhân dân huyện PT, tỉnh An Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PT tham gia phiên tòa***: Ông Lê Thanh Phong – Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện PT, tỉnh An Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 38/2023/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 119/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Quốc Nh, sinh năm 1985.

Nơi cư trú: tổ 07, ấp Hiệp Thuận, xã HX, huyện PT, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn:* Chị Trần Thị L, sinh năm 1989.

Nơi cư trú: tổ 07, ấp Hiệp Thuận, xã HX, huyện PT, tỉnh An Giang.

*(Anh Nh yêu cầu vắng mặt, chị L vắng mặt)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai và lời trình bày của nguyên đơn có tại hồ sơ, thể hiện:***

Vào năm 2008, anh và chị Trần Thị L được gia đình tổ chức lễ cưới, tự nguyện kết hôn, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Hiệp Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang (Giấy chứng nhận kết hôn số 55/2011 ngày 13 tháng 4 năm 2011). Nguyên nhân mâu thuẫn: khoảng cuối năm 2021, vợ chồng cự cãi về chuyện tiền bạc do chị L tự ý vay nợ ngân hàng dùm nhiều người khác. Vào tết âm lịch năm 2022, chị L lén lút gọi nói chuyện thân thiết với người khác nên xảy ra cự cãi kéo dài. Ngày 30/4/2022, vợ chồng ly thân, đến tháng 10/2022 thì chị L chủ động liên hệ nhờ anh gửi tiền để chữa bệnh, hứa hẹn đến tết năm 2023 sẽ trở về sinh sống, lo cho con cái, đã ly thân từ mùng 09 tết âm lịch năm 2023 đến nay. Yêu cầu ly hôn với chị L.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Quôc Nh, sinh ngày 03/10/2010, đang sống chung với anh, yêu cầu được tiếp tục nuôi, không yêu cầu cấp dưỡng.

Tài sản chung và nợ chung (phải thu, phải trả): không có.

*Đối với chị Trần Thị L: Tòa án đã triệu tập hợp lệ hai lần để tham gia phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và hai lần để xét xử, nhưng đều vắng mặt không rõ lý do, nên không ghi nhận được ý kiến.*

Tòa án tiến hành xác minh được bà Đỗ Thị Bua Chi (mẹ của anh Nh) cho biết: hiện nay vợ chồng Nh – L không còn chung sống từ năm 2023 đến nay, do L không chung thuỷ, ly thân nhiều lần không hàn gắn được. Thời gian chung sống có 01 con chung tên Nguyễn Quôc Nh, sinh ngày 03/10/2010, do Nh nuôi dưỡng từ khi ly thân đến nay.

**Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PT**

Về tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật. Việc tuân theo pháp luật của nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến tham dự phiên tòa, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, cho thấy bị đơn đã không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan điểm giải quyết vụ án: Về hôn nhân, đề nghị chấp nhận yêu cầu của anh Nh được ly hôn với chị L. Về con chung: cần tiếp tục giao cháu Nguyễn Quôc Nh, sinh ngày 03/10/2010 cho anh Nh tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung không có nên không xem xét. Anh Nh phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

[1.1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Anh Nh khởi kiện ly hôn, tranh chấp nuôi con với chị L, chị L có nơi cư trú tại xã HX, huyện PT, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện PT, tỉnh An Giang thụ lý giải quyết vụ án hôn nhân gia đình "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*"* là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] *Về sự vắng mặt của đương sự:* Anh Nh có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, chị L đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không rõ lý do, nên căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh Nh, chị L.

[2] *Về nội dung:*

[2.1] *Về quan hệ hon nhân:* anh Nh và chị L có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp và cuộc sống vợ chồng

nếu muốn có được hạnh phúc dài lâu, đạt được mục đích thì phải bình đẳng với nhau về quyền và nghĩa vụ, phải biết thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và sống chung với nhau, nhưng anh chị không làm được điều đó. Tòa án đã triệu tập chị L để tham gia hòa giải hai lần và trong suốt quá trình giải quyết vụ án chị đều không đến, cuộc sống không tìm được tiếng nói chung, cự cãi nhau về chuyện tiền bạc và có biểu hiện không chung thuỷ, nhiều lần ly thân, từ đầu năm 2023 đến nay không còn chung sống, anh Nh cương quyết yêu cầu ly hôn, nên chấp nhận cho anh Nh được ly hôn với chị L là phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] *Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con:*

Cháu Nguyễn Quốc Nh do anh Nh nuôi dưỡng từ khi ly thân đến nay. Để đảm bảo môi trường phát triển của con được ổn định, thuận lợi trong việc học tập, phù hợp với nguyện vọng của cháu Nhân, căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, tiếp tục giao cháu Nguyễn Quốc Nh, sinh ngày 03/10/2010 cho anh Nh được chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Nh không yêu cầu cấp dưỡng, do đó chị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] *Về tài sản chung*: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] *Về nợ chung*: Ghi nhận anh Nh xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì anh Nh, chị L phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

[3] *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Anh Nh phải chịu án phí ly hôn 300.000 đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị L không phải chịu án phí.

*Vì các lẽ trên*;

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 228; Điều 238, Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Quốc Nh.

1. Về hôn nhân: anh Nguyễn Quốc Nh được ly hôn với chị Trần Thị L.

Giấy chứng nhận kết hôn số 55/2011 ngày 13 tháng 4 năm 2011 do Uỷ ban nhân dân xã Mỹ Hiệp Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang cấp cho anh chị không còn giá trị pháp lý kể từ thời điểm Bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Quôc Nh, sinh ngày 03/10/2010 cho anh Nguyễn Quốc Nh được tiếp tục nuôi dạy đến thành niên hoặc tự lập được (hiện anh Nh đang nuôi cháu Nhân). Chị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, anh Nh phải tạo điều kiện thuận lợi, không được cản trở trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Nếu chị L lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh Nh có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con.

Vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

4. Về nợ chung: Ghi nhận anh Nguyễn Quốc Nh xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì anh Nh, chị L phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: anh Nguyễn Quốc Nh phải chịu án phí hôn nhân gia đình 300.000 đồng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0005932 ngày 21/02/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện PT. Chị Trần Thị L không phải chịu án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Anh Nh, chị L vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện PT;
- Chi cục THADS huyện PT;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã HX;
- Lưu: HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Nhung**